

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DS-ST

Ngày 04/8/2022

V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Ông Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thoi – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT;

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Khánh D, sinh năm 1994 (theo văn bản ủy quyền số 164/2020/UQ-PGDNVC ngày 09/9/2020) và Ông Phạm Trường Th, sinh năm 1994 (theo văn bản ủy quyền số 233/2022/UQ-TGĐ ngày 13/6/2022).

Bị đơn: Ông Chung Quốc H, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: 1051 HG, Phường MM, QUẬN S, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2020 cùng các bản tự khai, Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi là Ngân hàng) – có ông Đặng Khánh D, ông Phạm Trường Th trình bày:

Ngày 25/7/2018, ông Chung Quốc H có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15%/ tháng; Lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.475.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 23/3/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 11.495.798 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 04/08/2022, ông Chung Quốc H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 11.495.798 đồng; Lãi quá hạn: 15.212.698 đồng. Tổng cộng: 26.708.496 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.495.798 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng ($2,15\% \times 150\%$) tính từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đến thời điểm hiện tại.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP SGTT đề nghị Tòa án: Buộc ông Chung Quốc H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/08/2022 là 26.708.496 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc: 11.495.798 đồng;

Lãi quá hạn: 15.212.698 đồng.

Ngoài ra, ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/08/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng TMCP SGTT có ông Đặng Khánh D, ông Phạm Trường Th – người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Chung Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN S tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ và việc giao giấy tờ cho đương sự, Viện kiểm sát là đúng quy định.

Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy: Ngày 25/07/2018, ông Chung Quốc H có ký với Ngân hàng TMCP SGTT hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 512341-7219 hạn mức 10.000.000đồng.

Từ sau khi cấp thẻ, ông Chung Quốc H đã giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng và chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.475.000 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/8/2022 là 26.708.496 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Chung Quốc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày ngày 04/8/2022 là 26.708.496 đồng (bao gồm cả gốc và lãi quá hạn), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.1] Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Căn cứ vào văn bản ủy quyền số 4081/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 và Giấy ủy quyền số 164/2020/UQ-PGDNVC ngày 09/9/2020 thể hiện Ngân hàng TMCP SGTT ủy quyền cho ông Đặng Khánh D; Căn cứ vào văn bản ủy quyền số 3854/2022/GUQ-PL ngày 01/3/2022 và văn bản ủy quyền số 233/2022/UQ-TGD ngày 13/6/2022 thể hiện Ngân hàng TMCP SGTT ủy quyền cho ông Phạm Trường Th. Việc ủy quyền trên là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu ông Chung Quốc H thanh toán khoản tiền thẻ tín dụng còn nợ, tạm tính đến ngày 04/8/2022 là 26.708.496 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 11.495.798 đồng; Lãi quá hạn: 15.212.698 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Chung Quốc H cư trú tại QUẬN S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN S, Thành phố HCM theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký ngày 25/7/2018, kể từ sau ngày 23/3/2019, ông H không tiếp tục thực hiện đúng cam kết thanh toán đã ký với Ngân hàng. Ngày 23/3/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu là 11.495.798 đồng sang nợ quá hạn. Ngày 19/6/2020, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc Tòa án nhân dân QUẬN S thụ lý, giải quyết vụ án trên là đúng theo quy định tại 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGT (Sacombank) có ông Đặng Khánh D, ông Phạm Trường Th là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Ông Chung Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 25/07/2018 thể hiện ông Chung Quốc H và Ngân hàng TMCP SGT có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng Visa số 512341-7219 hạn mức 10.000.000đồng cho ông Chung Quốc H, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 2.15%/tháng; lãi suất quá hạn 3.225%/tháng (2.15% x 150%). Tính từ ngày 23/3/2019 đến ngày 04/8/2022, ông H đã quá hạn thanh toán 1231 ngày. Do đó, đủ cơ sở xác định hai bên đã xác lập giao dịch về hợp đồng dân sự vay tài sản; bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGT và bên vay là ông Chung Quốc H.

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của Ngân hàng, thể hiện từ sau ngày 23/3/2019 ông H đã vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Tạm tính đến ngày 04/8/2022, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP SGT số tiền là 26.708.496 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 11.495.798 đồng; Lãi quá hạn: 15.212.698đồng (3,225%/30 x 11.495.798đồng x 1231 ngày). Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 26.708.496 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Mặt khác, số tiền thiếu nợ nêu trên đã kéo dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc thu hồi nợ. Do đó, buộc ông H phải trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn ông Chung Quốc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Chung Quốc H phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền là 26.708.496 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 11.495.798 đồng (mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng); Lãi quá hạn: 15.212.698 đồng (mười lăm triệu hai trăm mười hai nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng). Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6- Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Chung Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.335.425đồng (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

2.2. Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí 411.593đồng (bốn trăm mười một nghìn năm trăm chín mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0061459 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN S – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S;
- Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN S;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**